

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày: 17-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hoàng
2. Ông Đào Bá Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Hoàng Phận – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2017/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Trung H, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991 tại tỉnh Cà Mau. ĐKTT: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T và bà Ngô Thị Xuân M; bản thân chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Thái N (đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Lê Thị Q, sinh năm 1956

ĐKTT: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Nguyễn Phương B, sinh năm 1978

ĐKTT: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. Trương Thị Kim T, sinh năm 1987

ĐKTT: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn dân sự: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép N

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Minh T – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Phan Văn H, sinh năm 1985

ĐKTT: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Minh T, sinh năm 1979

ĐKTT: Số 122 khu I, ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

2. Lê Hữu Đ, sinh năm 1978

ĐKTT: Xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Võ Thanh S, sinh năm 1981

ĐKTT: Khu phố 2, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Hồ Hoàng T, sinh năm 1992

Nơi ĐKTT: Thôn 1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nơi tạm trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Trần Đình L, sinh năm 1993

ĐKTT: Số 373 đường T, phường 15, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/02/2017, Lê Hữu Đ là tổ trưởng tổ xe đầu kéo của Công ty Sản xuất & Thương mại Thép N (gọi tắt là Công ty N), địa chỉ D6/31 thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Tp.HCM), được các tài xế xe đầu kéo của Công ty N, trong đó có tài xế Trần Trung H uỷ quyền cho Đ ký hợp đồng kinh tế số 11427-02/HĐKT/VT với Công ty N do ông Nguyễn Minh V, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện. Nội dung hợp đồng Công ty N giao cho bên Đ 01 xe đầu kéo và rơ moóc quản lý để chở hàng hoá do Công ty N chỉ định với tỷ lệ chia lợi nhuận khoán việc trên tổng doanh thu, đồng thời quy định trách nhiệm của mỗi bên khi có tai nạn xảy ra. Hợp đồng kinh tế có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 03-8-2017, Công ty N yêu cầu tài xế Trần Trung H điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 50LD-069.78 kéo rơ moóc biển số 51R-131.69 chạy đến cảng B, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh chở 03 cuộn sắt gồm 02 cuộn 12 tấn và 01 cuộn 07 tấn từ cảng B, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh về giao cho Công ty Cổ phần tập đoàn thép N (gọi tắt Công ty Thép N), tại Khu công nghiệp V, ấp V, xã L, huyện B để giao hàng theo chỉ định của Công ty N. Khi đi trên xe có phụ xế là Hồ Hoàng T cùng đi. Khoảng 22 giờ

cùng ngày, H điều khiển xe đầu kéo biển số 50LD-069.78 kéo rơ moóc biển số 51R-131.69 đến Công ty Cổ phần tập đoàn thép N giao hàng, sau khi giao hàng xong 01 cuộn sắt 07 tấn tại kho mới xây. H kêu T lên phòng kế toán công ty làm giấy tờ còn H tiếp tục điều khiển xe đầu kéo chở 02 cuộn sắt còn lại đến giao tại kho B3 của Công ty thép N. Khoảng 15 phút sau, H điều khiển xe dừng trước kho B3, cách cửa kho khoảng 15m, xe vẫn nổ máy. Lúc này, Nguyễn Thái N là thủ kho của kho B3 leo lên cabin, đi về phía sau rơ moóc kiểm tra nhãn hiệu và thông số của cuộn sắt phía trước nhưng không thấy, nên kêu Lê Minh T điều khiển xe nâng biển số 50LA-2088 từ trong kho B3 ra bên phải rơ moóc biển số 51R-131.69, để nâng cuộn sắt phía trước lên khỏi mặt thốt khoảng 30cm, N kiểm tra ở dưới cuộn sắt phía trước nhưng không thấy nên N đi vòng lại phía sau đứng giữ hai cuộn sắt nghiêng người kiểm tra phía dưới cuộn sắt đang nâng. Lúc này, H quan sát qua kính chiếu hậu thấy T nâng cuộn sắt lên và không thấy N, nên H điều khiển xe về trước khoảng 01m để T nâng cuộn sắt vào kho B3 như thường lệ, nhưng khi H điều khiển xe về trước làm cuộn sắt phía sau trên thốt rơ moóc ép Nhật đứng giữa với cuộn sắt phía trước mà T đang nâng. T phát hiện truy hô, bấm còi liên tục báo hiệu nên H dừng lại và lùi xe về sau khoảng 02m thì N té ngã bất tỉnh trên rơ moóc, sau đó được mọi người đưa đi bệnh viện Bến Lức cấp cứu nhưng đã tử vong cùng ngày.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 213/TT ngày 22-8-2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Long An, kết luận Nguyễn Thái N tử vong do chấn thương nặng vùng ngực làm gãy nhiều xương sườn, dập phổi, đứt tĩnh mạch phổi và động mạch gian sườn sau dẫn đến choáng chấn thương, mất máu cấp không hồi phục.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 08 giờ 00 phút ngày 04-8-2017 do Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức lập thể hiện:

Vụ tai nạn xảy ra tại khu vực đường nội bộ Công ty N thuộc khu công nghiệp V, ấp V, xã L, huyện B, tỉnh Long An. Trước kho B3 có 01 xe ô tô đầu kéo biển số 50LD-069.78 kéo rơ moóc biển số 51R-131.69, bánh trước bên phải cách cổng kho B4 là 13,2m, cách cổng kho B3 là 12m, phần hông bên phải rơ moóc có xe nâng chuyên dụng. Tại vị trí cuối của nền rơ moóc có đặt 01 cuộn sắt đường kính 1,5m, cách cuộn sắt này 0,3m có một cuộn sắt đường kính 1,5m đang được xe nâng, nâng lên.

Tại cáo trạng số 01/QĐ-KSĐT ngày 06-12-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố Trần Trung H về tội “Vô ý làm chết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 98 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, mới phạm tội lần đầu, đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, bị đơn dân sự và bị cáo đã khắc phục xong hậu quả, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn, gia đình bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Trung H phạm tội “Vô ý làm chết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 98; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Trung H từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, ông Phan Văn H đại diện theo uỷ quyền Công ty N và Trần Trung H thoả thuận bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần cho đại diện bị hại là Lê Thị Q, Nguyễn Phương B và Trương Thị Kim T số tiền 320.000.000đ, trong đó Công ty N 220.000.000đ, Trần Trung H 100.000.000đ, hiện đại diện gia đình bị hại đã nhận tiền xong, có đơn bãi nại và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

Về vật chứng: 01 Giấy phép lái xe hạng FC, mang tên Trần Trung H nên đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hoàn trả lại cho bị cáo là phù hợp.

(Tang vật trên hiện Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đang tạm giữ).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận. Bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đại diện gia đình bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn, Biên bản giám định pháp ý và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định khoảng 22 giờ 15 phút ngày 03/8/2017, Trần Trung H điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 50LD-069.78 kéo rơ moóc biển số 51R-131.69 vận chuyển 03 cuộn sắt, gồm 02 cuộn 12 tấn và 01 cuộn 07 tấn giao cho Công ty Thép N, tại khu công nghiệp V, ấp V, xã L, huyện B theo chỉ định của Công ty thép N. Khi đến Công ty Thép N, H giao xong 01 cuộn 07 tấn tại kho mới xây, sau đó tiếp tục điều khiển xe đầu kéo đến kho B3, H cho xe dừng lại, xe vẫn nổ máy. Khi Lê Minh T nâng cuộn sắt phía trước khoảng 30cm lên khỏi mặt thớt rơ moóc để Nguyễn Thái N kiểm tra nhãn và thông số trên cuộn sắt phía trước, do chủ quan, cầu thủ H không quan sát, anh N còn kiểm tra không nên cho xe chạy về trước khoảng 01m làm N đang đứng giữ cuộn sắt phía sau ép vào cuộn sắt phía trước T đang nâng. Hậu quả, làm N tử vong. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Vô ý làm chết người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do suy đoán chủ quan, cầu thả, bị cáo không chấp hành triệt để các quy định an toàn lao động, không chú ý quan sát nên gây ra tai nạn. Hậu quả, làm cho Nguyễn Thái N tử vong.

[5] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của người khác, bị cáo cũng thừa biết tính mạng, sức khỏe của con người là vốn quý nhất, được pháp luật bảo hộ nhưng do chủ quan, cầu thả nên bị cáo bất chấp chứng tỏ bị cáo đã xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe, tính mạng của người khác. Hành vi của bị cáo gây mất mát, đau thương cho gia đình nạn nhân, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Do đó cần thiết xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, mới phạm tội lần đầu, đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, bị đơn dân sự và bị cáo đã khắc phục xong hậu quả, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn, gia đình bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt

cho bị cáo nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 thì có đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, ông Phan Văn H đại diện theo uỷ quyền Công ty Nguyễn Minh và Trần Trung H thoả thuận bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần cho đại diện bị hại là Lê Thị Q, Nguyễn Phương B và Trương Thị Kim T số tiền 320.000.000đ, trong đó Công ty N 220.000.000đ, Trần Trung H 100.000.000đ, hiện đại diện gia đình bị hại đã nhận tiền xong, có đơn bãi nại và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

[9] Về vật chứng: 01 Giấy phép lái xe hạng FC, mang tên Trần Trung H nên áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hoàn trả lại cho bị cáo là phù hợp.

(Tang vật trên hiện Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đang tạm giữ).

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Trung H phạm tội “*Vô ý làm chết người*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 98; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Trần Trung H 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 17-01-2018).

Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau theo dõi việc bị cáo chấp hành hình phạt án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Hoàn trả cho bị cáo 01 giấy phép lái xe hạng FC, mang tên Trần Trung H.

(Tang vật hiện Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đang tạm giữ).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Trung H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Dương Ngọc Thành